

Số: 705 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tập đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17
tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và
lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền
lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng
kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo
bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26 tháng 12 năm 1996
của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục
nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại,
nguy hiểm;

Căn cứ Quyết định số ~~704~~ /QĐ-UBND ngày ~~07~~ tháng ~~3~~ năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành định mức dự toán sản xuất và duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 07/TTr-SXD ngày 27 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tập đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bao gồm:

1. Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng;
2. Chi tiết đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tập đơn giá được áp dụng trong lĩnh vực sản xuất và duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sử dụng, vận dụng, tham khảo vào việc xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Tập đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Phòng: XDGT&CT, TC-NS, NC&KTGS;
- CV: XD2;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

ĐƠN GIÁ

SẢN XUẤT VÀ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~105~~ /QĐ-UBND ngày 07 / 3 /2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ SẢN XUẤT VÀ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị bao gồm các chi phí cần thiết về vật liệu, nhân công và một số phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị.

1. Đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị được xác định trên cơ sở:

- Nghị định số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 ngày 16/11/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc Công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Quyết định số 593/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán duy trì cây xanh đô thị.

2. Đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị gồm các chi phí sau:

a. Chi phí vật liệu:

Là chi phí vật liệu cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị.

Chi phí vật liệu trong đơn giá đã bao gồm hao hụt vật liệu trong quá trình thực hiện công việc.

Chi phí vật liệu được chọn trong đơn giá là giá vật liệu đã được Sở Xây dựng công bố đến hiện trường thành phố Hải Phòng chưa có thuế giá trị gia tăng (có bảng giá kèm theo). Đối với những loại vật tư, vật liệu chưa có trong thông báo giá thì tạm tính theo mức giá tham khảo tại thị trường.

b. Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trực tiếp: $V = V_{ld} + V_{ldkhac}$

b1. Tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định theo công thức sau:

$$V_{ld} = \sum_{i=1}^n (T_{ldi} \times \frac{ML_{thi}}{26})$$

Trong đó:

V_{ld} : là tiền lương của từng loại lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công.

n : số chức danh, công việc trong từng loại lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công.

T_{ldi} : là tổng số ngày công định mức lao động của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động để thực hiện sản phẩm, dịch vụ công, được xác định trên cơ sở hao phí lao động tổng hợp cho sản phẩm, dịch vụ công và được quy đổi ra ngày công theo khối lượng, yêu cầu công việc của sản phẩm, dịch vụ công và hệ thống định mức do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành.

ML_{thi} : là mức lương theo tháng của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công, được xác định theo công thức sau:

$$ML_{thi} = (H_{cbi} + H_{pci}) \times ML_{CS} \times (1 + H_{dc})$$

Trong đó:

H_{cbi} : là hệ số lương cấp bậc công việc của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động theo định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành trên cơ sở hệ số lương của từng loại lao động quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

H_{pci} : là hệ số phụ cấp lương của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động, bao gồm: phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp trách nhiệm công việc; phụ cấp chức vụ; phụ cấp thu hút và hệ số không ổn định sản xuất (nếu có) quy định tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Các hệ số phụ cấp lương:

Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: được tính trong hệ số lương, hệ số lương đã có phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo từng nhóm: Nhân công nhóm I (điều kiện lao động bình thường); Nhân công nhóm II (điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm); Nhân công nhóm III (điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm).

Phụ cấp trách nhiệm: Theo quy định tại Thông tư 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng chi phí này nằm trong khoản mục “Chi phí quản lý chung”.

Phụ cấp khu vực, Phụ cấp lưu động, Phụ cấp thu hút và các chế độ khác: địa bàn thành phố Hải Phòng không có các phụ cấp này.

ML_{cs} : là mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng.

H_{dc} : là hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương $H_{dc} = 0,5$.

b2. Chi phí khác của lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ được tính theo công thức tại Điều 7 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH như sau:

$$V_{ldkhac} = \sum_{i=1}^n \left(T_{ldi} \times \frac{CD_{aci} + CD_{ki}}{26} \right) + BH_{ld}$$

Trong đó:

V_{ldkhac} : là chi phí khác của từng loại lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công.

T_{ldi} : là tổng số ngày công định mức lao động của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động được hưởng tiền ăn giữa ca, chế độ khác do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.

CD_{aci} : là tiền ăn giữa ca của vị trí, chức danh lao động thứ i theo quy định pháp luật. Chi phí ăn ca tính toán trong đơn giá tiền lương được đề xuất 730.000 đồng/tháng.

CD_{ki} : là các chế độ khác của vị trí, chức danh lao động thứ i (nếu có) theo quy định pháp luật. Trên địa bàn thành phố Hải Phòng không tính các phụ cấp này.

BH_{ld} : là chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động đối với từng loại lao động trực tiếp sản xuất và lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ được xác định theo quy định pháp luật. Các chi phí này được xác định

trong chi phí quản lý chung.

c. Chi phí máy thi công:

Là chi phí sử dụng các phương tiện máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị. Chi phí máy thi công bao gồm: chi phí khấu hao cơ bản, chi phí khấu hao sửa chữa lớn, chi phí nhiên liệu, động lực, chi phí nhân công điều khiển máy và chi phí khác của máy, chi phí nhân công vận hành.

Phương pháp xác định giá ca máy: sử dụng phương pháp xác định giá ca máy theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và vận dụng xác định giá ca máy của một số máy theo hướng dẫn tại Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng.

Định mức hao phí và các dữ liệu cơ bản để xác định giá ca máy phù hợp với quy định của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và vận dụng xác định giá ca máy của một số máy theo hướng dẫn tại Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 8/10/2015 của Bộ Xây dựng.

Đối với chi phí nhân công lái máy: xác định theo Mục 3 phần II của Phụ lục kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 để tính toán.

Giá nhiên liệu được tính theo công bố giá ngày 25.12.2021 của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) chưa bao gồm thuế VAT: Xăng Ron 92-II: 20.500 đồng/lít, Dầu Diezen 0,05S: 15.973 đồng/lít; Giá Điện theo Quyết định số 684/QĐ-BCT ngày 20/3/2019: 1.864 đồng/kwh.

II. KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ SẢN XUẤT VÀ DUY TRÌ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Tập đơn giá được trình bày theo nhóm, loại công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị. Mỗi đơn giá gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số chi phí và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó, bao gồm 5 chương:

Chương I: Sản xuất cây xanh các loại

Chương II: Trồng mới các loại cây

Chương III: Duy trì thảm cỏ

Chương IV: Duy trì cây trang trí

Chương V: Duy trì cây bóng mát

III. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Tập đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị thành phố Hải Phòng là căn cứ để xác định dự toán chi phí sản xuất và duy trì cây xanh đô thị và là cơ sở để thương thảo, xem xét, quyết định giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị thực hiện theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cho tổ chức, cá nhân

thực hiện công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Trường hợp công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị tại địa phương có yêu cầu kỹ thuật và điều kiện thực hiện khác với quy định trong tập đơn giá hoặc những loại công tác sản xuất và duy trì cây xanh đô thị chưa được quy định định mức thì các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ tiến hành điều chỉnh định mức hoặc xác lập định mức mới và gửi các định mức này về Sở Xây dựng để tổng hợp trình UBND thành phố công bố bổ sung để áp dụng.

- Việc chuyển tiếp áp dụng đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị cho những hợp đồng thực hiện dịch vụ đã ký do UBND thành phố Hải Phòng xem xét quyết định sau khi có sự thỏa thuận của đơn vị thực hiện dịch vụ nhưng phải phù hợp với ngân sách của địa phương và phương thức của hợp đồng sản xuất và duy trì cây xanh đô thị.

- Việc chuyển tiếp áp dụng đơn giá sản xuất và duy trì cây xanh đô thị cho những hợp đồng thực hiện dịch vụ đã ký do UBND thành phố Hải Phòng xem xét quyết định sau khi có sự thỏa thuận của đơn vị thực hiện dịch vụ nhưng phải phù hợp với ngân sách của địa phương và phương thức của hợp đồng sản xuất và duy trì cây xanh đô thị.

PHẦN II
CHI TIẾT ĐƠN GIÁ
CHƯƠNG I: SẢN XUẤT CÂY CÁC LOẠI

I. Sản xuất cây xanh

CXHP1.11100 Sản xuất cây xanh bằng phương pháp gieo trong bể

Thành phần công việc:

- Làm đất, xới tơi đất 2 lần, vận chuyển phân trong phạm vi 300m, trộn và rải phân, cào san mặt luống.
- Xử lý và chế biến hạt giống, gieo hạt, lưới nước, làm cỏ dại.
- Làm giàn cốt che đây, phun thuốc trừ sâu, kiến.
- Đánh xuất cây, thay đất bể gieo.

Yêu cầu kỹ thuật

Chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật từ khi gieo đến khi ra ngôi

Đơn vị tính: đ/1000 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Sản xuất cây xanh bằng phương pháp gieo trong bể					
CXHP1.11110	Cây nhóm 1	1000 cây	80.021	1.557.858		1.637.879
CXHP1.11120	Cây nhóm 2	1000 cây	120.092	2.257.657		2.377.749
CXHP1.11130	Cây nhóm 3	1000 cây	100.102	2.695.341		2.795.443
CXHP1.11140	Cây nhóm 4	1000 cây	81.545	3.031.641		3.113.185

CXHP1.2000 Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi*Thành phần công việc:*

- Làm đất, xới tơi đất 3 lần, vơ cỏ, rạch chia luống, lên luống, vận chuyển phân trong phạm vi 300m, trộn và rải phân.
- Ra ngôi cây, tưới nước, làm cỏ dại, phá váng, vét luống.
- Phun thuốc trừ sâu, kiến.
- Đánh xuất cây, bồi đất sau khi đánh cây.

Yêu cầu kỹ thuật

Chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật từ khi ra ngôi đến khi cây có chiều cao theo quy định.

CXHP1.21100 Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 1*Đơn vị tính: đ/10 cây*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 1, chiều cao cây:					
CXHP1.21110	0,5 ÷ 1,5 m	10 cây	124.840	1.352.616		1.477.456
CXHP1.21120	1,6 ÷ 2,0 m	10 cây	138.410	1.792.773		1.931.183
CXHP1.21130	2,1 ÷ 2,5 m	10 cây	154.080	2.383.770		2.537.850
CXHP1.21140	2,6 ÷ 3,0 m	10 cây	214.560	3.088.515		3.303.075
CXHP1.21150	3,1 ÷ 5,0 m	10 cây	396.615	4.055.376		4.451.991

CXHP1.21200 Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 2*Đơn vị tính: đ/10 cây*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 2, chiều cao cây:					
CXHP1.21210	0,5 ÷ 1,5 m	10 cây	124.840	1.392.181		1.517.021
CXHP1.21220	1,6 ÷ 2,0 m	10 cây	138.410	1.847.174		1.985.584
CXHP1.21230	2,1 ÷ 2,5 m	10 cây	154.080	2.554.392		2.708.472
CXHP1.21240	2,6 ÷ 3,0 m	10 cây	214.560	3.390.195		3.604.755
CXHP1.21250	3,1 ÷ 5,0 m	10 cây	396.615	4.441.131		4.837.746

CXHP1.21300 Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 3*Đơn vị tính: đ/10 cây*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 3, chiều cao cây:					
CXHP1.21310	0,5 ÷ 1,5 m	10 cây	126.030	1.713.644		1.839.674
CXHP1.21320	1,6 ÷ 2,0 m	10 cây	139.860	2.168.637		2.308.497
CXHP1.21330	2,1 ÷ 2,5 m	10 cây	155.980	2.638.467		2.794.447
CXHP1.21340	2,6 ÷ 3,0 m	10 cây	216.485	3.575.654		3.792.139
CXHP1.21350	3,1 ÷ 5,0 m	10 cây	398.525	4.718.083		5.116.608

CXHP1.21400 Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 4*Đơn vị tính: đ/ 10 cây*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 4, chiều cao cây:					
CXHP1.21410	0,5 ÷ 1,5 m	10 cây	126.075	2.047.470		2.173.545
CXHP1.21420	1,6 ÷ 2,0 m	10 cây	140.295	2.537.083		2.677.378
CXHP1.21430	2,1 ÷ 2,5 m	10 cây	159.915	3.330.848		3.490.763
CXHP1.21440	2,6 ÷ 3,0 m	10 cây	220.660	4.824.413		5.045.073
CXHP1.21450	3,1 ÷ 5,0 m	10 cây	401.375	6.028.662		6.430.037

II. Sản xuất cây hoa

Thành phần công việc:

- * Ở hộc gieo 15 ngày: (Diện tích gieo 1000 hạt = 1m²)
 - Làm đất 1 lần (rõ đất, băm vụn đất, cuốc lật đất, phơi ải trong 1 tuần), cào san phẳng, gom rác đổ đi.
 - Sàng đất trộn phân, trộn thuốc xử lý đất
 - Chuyển phân ra bể gieo rải phân và đảo phân trên liếp trồng.
 - Trộn tro, gieo hạt, phủ đất, cát, lấn trực đè hạt, tưới nước 15 ngày (3lần/ngày)
 - Bứng cây trong bể gieo ra liếp ươm cự ly bình quân 100m
 - Làm cỏ giữa 2 hộc gieo, dọn vệ sinh, nạo vét đất cũ chuyển đi
- * Ở liếp ươm 15 ngày:
 - Làm đất 2 lần, chuyển, rải, đảo phân trên liếp, vét rãnh lên liếp, đảo đất san phẳng mặt liếp.
 - Trồng cây ra liếp, tưới nước 3 lần/ngày trong 5 ngày đầu, tưới nước 2 lần/ngày trong 10 ngày tiếp theo
 - Làm cỏ liếp ươm 1 lần, rẫy cỏ rãnh 1 lần, xới phá váng 1 lần
 - Bón phân, phun thuốc sâu 1 lần
 - Bứng xuất cây bầu đất, dọn dẹp vệ sinh, bồi đất sau khi bứng cây vận chuyển cự ly bình quân 100m

Yêu cầu kỹ thuật

Quy cách cây cao 7 - 10cm, có 4 -6 lá xanh tốt không sâu bệnh

CXHP1.31100 Sản xuất hoa giai đoạn cây con

Đơn vị tính: đ/1000 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.31110	Sản xuất hoa giai đoạn cây con	1000 cây	1.115.606	3.664.675		4.780.280

* Phân bánh dầu: là loại bã của các loại hạt có dầu, sau khi ép lấy tinh dầu, chất sơ (đóng thành bánh theo khuôn ép) dùng làm thức ăn gia súc hoặc phân bón ươm cây giống.

CXHP1.41100 Sản xuất hoa ở liếp trồng (từ gieo hạt giống)*Thành phần công việc:** Ở học gieo 15 ngày: (Diện tích gieo 1000 hạt = 1m²)

- Làm đất 1 lần (rõ đất, băm vụn đất, cuốc lật đất, phơi ải trong 1 tuần), cào san phẳng, gom rác đồ đi.

- Sàng đất trộn phân, trộn thuốc xử lý đất

- Chuyển phân ra bề gieo rải phân và đảo phân trên liếp trồng.

- Trộn tro, gieo hạt, phủ đất, cát, lăn trực đè hạt, tưới nước 15 ngày (3lần/ngày)

- Bứng cây trong bề gieo ra liếp ươm cự ly bình quân 100m

- Làm cỏ giữa 2 học gieo, dọn vệ sinh, nạo vét đất cũ chuyển đi

* Ở liếp trồng 30 ngày: để có 1000 cây thành phẩm cần 1100 cây

- Làm đất 2 lần (cuốc lộn đất phơi ải, cào san phẳng, gom rác vận chuyển đồ đi, vét rãnh lên liếp vun gốc 2 lần)

- Xúc phân tro chuyển đến trộn đều cự ly bình quân 50m

- Trồng cây ra liếp, tưới nước 2 lần/ngày trong 30 ngày, tỉa chồi nách, làm cỏ 4 lần, vén liếp vun gốc 2 lần

- Xới phá váng 4 lần, bón thúc 3 lần, phun thuốc bảo vệ thực vật 3 lần

- Bứng xuất cây bầu đất, dọn dẹp vệ sinh, bồi đất sau khi bứng cây

Yêu cầu kỹ thuật:- Thời gian chăm sóc 45 ngày, diện tích cây trên liếp 1000 cây = 55m².

- Quy cách cây con có một nụ cái nở, nhiều nụ con, lá xanh tốt không sâu bệnh cao từ 20 - 45cm.76:76

Đơn vị tính: đ/1000 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.41110	Sản xuất hoa ở liếp trồng (từ gieo hạt giống)	1000 cây	2.634.207	11.676.514		14.310.721

* Phân bánh dầu: là loại bã của các loại hạt có dầu, sau khi ép lấy tinh dầu, chất sơ (đóng thành bánh theo khuôn ép) dùng làm thức ăn gia súc hoặc phân bón ươm cây giống.

CXHP1.51100 Sản xuất hoa trong bịch (1 cây/1 bịch)*Thành phần công việc:*

- Vận chuyển đất, phân, tro, trộn đều, cự ly bình quân 50m
- Gỡ bịch bẻ miệng, bấm lỗ, vào đất bịch xếp ngay ngắn tại vị trí quy định
- Chuyển bịch, cây con đến vị trí đặt bịch có bầu đất
- Tưới nước 2 lần/ngày trong 35 ngày, nhổ cỏ 2 lần giữa hai lô bịch
- Bón bổ sung phân hữu cơ 1 lần
- Phun thuốc bảo vệ thực vật 4 lần, bấm đọt tạo tán, giã bịch cây khi cây giao tán, lấy bớt chồi nách, bốc bịch lên xuống xe cự ly bình quân 50m, dọn dẹp vệ sinh, chuyển rác đổ nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Thời gian chăm sóc 35 ngày, để có 1000 bịch cây thành phẩm cần khoảng 1100 bịch (kích thước 20 x 25cm)
- Quy cách: cây cao 20 - 35cm, có một hoa cái hé nở, nhiều nụ con lá xanh tốt không sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/1000 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.51110	Sản xuất hoa trong bịch (1 cây/1 bịch)	1000 cây	10.964.940	11.073.154		22.038.094

* Phân bánh dầu: là loại bã của các loại hạt có dầu, sau khi ép lấy tinh dầu, chất sơ (đóng thành bánh theo khuôn ép) dùng làm thức ăn gia súc hoặc phân bón ươm cây giống.

CXHP1.61100 Sản xuất hoa trong chậu (3 cây/1 chậu)*Thành phần công việc:*

- Vận chuyển đất, phân, tro trộn đều, xúc hỗn hợp đã trộn vào chậu, chuyển xếp chậu vào vị trí
- Chuyển cây con đến vị trí đặt chậu cây có bầu đất, trồng cây vào chậu
- Tưới nước 2 lần/ngày trong 45 ngày, nhổ cỏ xới phá váng 2 lần
- Bón bổ sung phân hữu cơ 2 lần
- Phun thuốc bảo vệ thực vật 6 lần, làm cỏ rãnh, bấm đọt tạo tán, giấn chậu khi cây giao tán, lấy bớt chồi nách, bốc lên xe
- Dọn dẹp vệ sinh, chuyển rác đổ nơi quy định
- Thu hồi chậu sau công viên, bốc chậu lên xuống xe, nhổ bỏ cây già.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Thời gian chăm sóc 45 ngày, để có 100 chậu thành phẩm cần 105 chậu (kích thước 20 x 25cm)
- Quy cách: cây cao 20 - 35cm, có một hoa cái hé nở, nhiều nụ con lá xanh lốt không sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/100 chậu

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.61110	Sản xuất hoa trong chậu (3 cây/1 chậu)	100 chậu	6.072.695	2.954.984		9.027.679

* Phân bánh dầu: là loại bã của các loại hạt có dầu, sau khi ép lấy tinh dầu, chất sơ (đóng thành bánh theo khuôn ép) dùng làm thức ăn gia súc hoặc phân bón ươm cây giống.

CXHP1.71100 Sản xuất hoa trong giỏ (3 cây/1 giỏ)*Thành phần công việc:*

- Vận chuyển đất, phân, tro thuốc xử lý đất trộn đều
- Lót nilon vào giỏ, xúc hỗn hợp đã trộn vào giỏ, chuyển xếp giỏ vào vị trí trồng
- Chuyển cây con đến vị trí đặt giỏ cây con có bầu đất
- Trồng cây vào giỏ, tưới nước 2 lần/ngày trong 45 ngày, nhổ cỏ, xới phá váng 2 lần
- Bón bổ sung phân hữu cơ 2 lần
- Phun thuốc bảo vệ thực vật 4 lần, làm cỏ rãnh, bấm đọt tạo tán, giãn giỏ cây khi cây giao tán, lấy bột chổi nách, bóc bịch lên xuống xe cự ly bình quân 50m, dọn dẹp vệ sinh, chuyển rác đổ nơi quy định

Yêu cầu kỹ thuật

- Thời gian chăm sóc 45 ngày, để có 1000 giỏ cây thành phẩm cần khoảng 1050 chậu (kích thước 20 x 25cm)
- Quy cách: cây có một hoa cái hé nở, nhiều nụ con lá xanh lốt không sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/1000 giỏ

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.71110	Sản xuất hoa trong giỏ (3 cây/1 giỏ)	1000 giỏ	32.341.170	11.371.867		43.713.037

* Phân bánh dầu: là loại bã của các loại hạt có dầu, sau khi ép lấy tinh dầu, chất sơ (đóng thành bánh theo khuôn ép) dùng làm thức ăn gia súc hoặc phân bón ươm cây giống.

III. Sản xuất cây cảnh

CXHP1.81100 Sản xuất cây cảnh thông thường (3 cây/1 giỏ)

Thành phần công việc:

- * Giai đoạn ở vườn ươm (giâm):
 - Làm đất 2 lần, san phẳng mặt đất, vét rãnh lên liếp, đập đất, gom rác đồ đi
 - Chuyển phân tro ở cự li khác nhau, trộn phân, tro, vận chuyển phân ra liếp ươm cự li bình quân 100m rải ra liếp và đảo phân trên liếp, che cút chông mưa nắng
 - Tưới nước, gỡ cút che sau khi cây mọc, làm cỏ liếp giâm, xới phá vầng, dầy cỏ rãnh vun thành đồng đồ xa cự li bình quân 400m, phun thuốc bảo vệ thực vật, bứng cây để trồng giản
 - Vệ sinh vườn ươm, gom rác vận chuyển đồ đi, bồi đất sau bứng cây trồng giản, vận chuyển đất đồ đều ra liếp.
- * Giai đoạn ở giỏ:
 - Sàng đất, trộn phân, tro, xử lý đất
 - Lót bịch nylon vào giỏ, rọc bịch theo kích thước giỏ, chẻ nẹp cài giỏ
 - Cài giỏ xếp thành hàng chờ chuyển cây ra trồng, trồng cây vào giỏ, tưới ẩm, vun đất phủ gốc cây
 - Tưới nước, nhổ cỏ xới phá vầng, phun thuốc bảo vệ thực vật, bón thúc, làm cỏ rãnh
 - Bốc xếp giỏ lên xuống xe, dọn dẹp vệ sinh khi xuất giỏ.

Yêu cầu kỹ thuật

Cây cao 20cm đến 25cm, có 4 đến 6 lá xanh tốt, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: đ/1000 giỏ

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.81110	Sản xuất cây cảnh trồng giỏ (3 cây/1 giỏ)	1000 giỏ	21.807.754	26.597.329		48.405.083

* Phân bánh dầu: là loại bã của các loại hạt có dầu, sau khi ép lấy tinh dầu, chất sơ (đóng thành bánh theo khuôn ép) dùng làm thức ăn gia súc hoặc phân bón ươm cây giống.

CXHP1.91100 Sản xuất cây hàng rào bằng phương pháp đâm cành*Thành phần công việc:*

- Làm đất, xới tơi đất 2 lần, rạch chia luống, lên luống, cào san mặt luống
- Vận chuyển phân trong phạm vi 300m, trộn và rải phân
- Xử lý và gieo hạt, phủ đất, làm cỏ, bón phân thúc, che đậy mở cút, tỉa cây, đánh xuất cây, bồi đất sau khi đánh cây
- Dọn dẹp vệ sinh, chuyển rác đổ nơi quy định

Yêu cầu kỹ thuật:

Có 4 đến 6 lá xanh tốt, không sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/1000 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP1.91110	Sản xuất cây hàng rào bằng phương pháp đâm cành	1000 cây	849.520	2.556.865		3.406.385

CHƯƠNG II: TRỒNG MỚI CÁC LOẠI CÂY

I. Trồng cây xanh

CXHP2.11100 Trồng cây xanh

Thành phần công việc:

- Khảo sát, xác định vị trí trồng cây
- Đào đất hố trồng cây xanh, xúc đất ra ngoài, cho đất thừa vào bao
- Vận chuyển đất đen, phân hữu cơ từ vị trí tập kết đến từng hố đào, cự ly bình quân 30m
- Vận chuyển cây từ vị trí tập kết đến từng hố đào, cự ly bình quân 30m
- Lấp đất, lèn chặt đất làm bồn, tưới nước, đóng cọc chống (4cọc/gốc cây) theo đúng yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây sau khi trồng phát triển xanh tốt bình thường, không nghiêng ngã

Đơn vị tính: đ/01 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Trồng cây xanh, kích thước bầu đất:					
CXHP2.11110	0,7m x 0,7m x 0,7m	1 cây	153.693	236.509		390.203
CXHP2.11120	0,6m x 0,6m x 0,6m	1 cây	129.607	138.771		268.378
CXHP2.11130	0,4m x 0,4m x 0,4m	1 cây	95.226	67.772		162.997

CXHP2.11200 Trồng cây bóng mát*Thành phần công việc:*

- Khảo sát, xác định vị trí trồng cây
- Đào đất hố trồng cây xanh, xúc đất ra ngoài, cho đất thừa vào bao
- Vận chuyển đất đen, phân hữu cơ từ vị trí tập kết đến từng hố đào, cự ly bình quân 30m
- Vận chuyển cây từ vị trí tập kết đến từng hố đào, cự ly bình quân 30m
- Lấp đất, lèn chặt đất làm bồn, tưới nước, đóng cọc chống (4cọc/gốc cây) theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Chằng chống giữ thân cây
- Che chắn phần gốc và thân cây để tránh nắng chiếu trực tiếp, sau 7-15 ngày bỏ dần đồ che nắng
- Tưới nước
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị nghiêng lệch

Đơn vị tính: đ/01 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP2.11210	Trồng cây bóng mát, đường kính bầu đất: 0,9m x 0,9m x 0,7m	1 cây	719.318	567.069	1.256.537	2.542.924
CXHP2.11220	1,2m x 1,2m x 1,0m	1 cây	826.750	871.351	1.504.132	3.202.233
CXHP2.11230	1,8m x 1,8m x 1,5m	1 cây	1.216.650	1.496.049	2.460.633	5.173.332

CXHP2.12100 Vận chuyển cây bằng cơ giới*Thành phần công việc:*

- Bốc lên xe bằng cầu, cự ly ch phạm vi 5km

Đơn vị tính: đ/1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Vận chuyển cây bằng cơ giới kích thước bầu:					
CXHP2.12110	0,7x0,7x0,7m	1 cây		23.052	23.083	46.135
CXHP2.12120	0,6x0,6x0,6m	1 cây		18.441	20.780	39.222
CXHP2.12130	0,4x0,4x0,4m	1 cây		13.831	19.399	33.230

Ghi chú: Nếu cự ly vận chuyển ngoài phạm vi 5 km, thì hao phí ô tô tải 2 tấn được điều chỉnh với hệ số $K = 1,15$ với 1km tiếp theo.

CXHP2.13100 Trồng cỏ lá gừng (bồn cỏ gốc cây)*Thành phần công việc:*

- Đào đất, xúc đất ra ngoài sâu 0,2m.
- Vận chuyển phân hữu cơ, đất đen từ nơi tập trung đến các bồn, cự ly bình quân 100m
- Trồng cỏ vào các bồn.- Che chắn phần gốc và thân cây để tránh nắng chiếu trực tiếp, sau 7-15 ngày bỏ dần đồ che nắng
- Tưới nước
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị nghiêng lệch

Đơn vị tính: đ/1m²

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP2.13110	Trồng cỏ lá gừng (bồn cỏ gốc cây)	m ²	75.072	11.526		86.598

II. Trồng mới cây hoa, cây cảnh, cây hàng rào và thảm cỏ

CXHP2.21100 Trồng cây cảnh, cây tạo hình, cây trở hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Cho phân vào hố, kích thước hố (đường kính x chiều sâu)m.
- Vận chuyển cây bằng thủ công đến các hố trồng.
- Trồng thẳng cây, lèn chặt gốc, đánh vùng giữ nước tưới, đóng cọc chống cây (3cọc/1cây); buộc giữ cọc vào thân cây bằng dây nylon, tưới nước 2 lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây sau khi trồng đảm bảo không bị gãy cành, vỡ bầu.

Đơn vị tính: đ/1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Trồng cây cảnh, cây tạo hình, cây trở hoa, kích thước bầu:					
CXHP2.21110	15cm x 15cm	1 cây	9.686	6.916		16.602
CXHP2.21120	20cm x 20cm	1 cây	107.733	8.529		116.262
CXHP2.21130	30cm x 30cm	1 cây	265.404	12.448		277.852
CXHP2.21140	40cm x 40cm	1 cây	375.297	17.519		392.816
CXHP2.21150	50cm x 50cm	1 cây	590.765	25.357		616.122
CXHP2.21160	60cm x 60cm	1 cây	1.848.133	33.655		1.881.788
CXHP2.21170	70cm x 70cm	1 cây	5.456.044	45.873		5.501.917

CXHP2.22100 Trồng hoa công viên (bao gồm hoa ngắn ngày và hoa dài ngày)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Rải phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: đ/100m²

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Trồng hoa công viên (bao gồm hoa ngắn ngày và hoa dài ngày), loại hoa:					
CXHP2.22110	Cây	100m ²	1.472.250	852.909		2.325.159
CXHP2.22120	Giò	100m ²	1.472.250	852.909		2.325.159

CXHP2.23100 Trồng cây hàng rào

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Rải phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2 lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: đ/100m²

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP2.23110	Trồng cây hàng rào	100m ²	33.472.250	922.064		34.394.314

CXHP2.24100 Trồng cây lá màu, bồn cảnh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30m.
- Rải phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, khoảng cách cây trồng tùy thuộc vào chiều cao thân cây, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2lần/ngày.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh nơi làm việc sau khi trồng.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây phải được cắt tỉa đều theo quy định, lá xanh tốt, không sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/100m²

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP2.24110	Trồng cây lá màu, bồn cảnh	100m ²	14.272.250	1.307.026		15.579.276

CXHP2.25100 Trồng cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị dụng cụ, bảo hộ lao động.
- Xúc và vận chuyển phân hữu cơ đổ đúng nơi quy định trong phạm vi 30.
- Rải phân, vận chuyển cây giống bằng thủ công đến địa điểm quy định.
- Trồng theo yêu cầu kỹ thuật, xới đất trước khi trồng, xong phải đầm dẽ, làm vệ sinh sạch sẽ, tưới nước 2 lần/ngày.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo sau khi trồng đạt độ phủ kín đều, phát triển bình thường, cỏ xanh tươi, không sâu bệnh, không lẫn cỏ dại, đạt độ cao đều 5cm.

Đơn vị tính: đ/100m²

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP2.25110	Trồng cỏ lá gừng	100m ²	4.352.250	1.018.881		5.371.131
CXHP2.25120	Trồng cỏ nhung	100m ²	6.242.250	1.479.913		7.722.163

CXHP2.26100 Trồng cây vào chậu

Thành phần công việc:

- Đổ đất phân vào chậu, trồng cây theo đúng yêu cầu kỹ thuật, dọn dẹp vệ sinh sau khi trồng, tưới nước 2 lần ngày

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây sau khi trồng vào chậu phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: đ/l chậu

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Trồng cây vào chậu, kích thước chậu:					
CXHP2.26110	30cm x 30cm	1 chậu	253.027	5.763		258.789
CXHP2.6120	50cm x 50cm	1 chậu	551.024	9.221		560.245
CXHP2.26130	70cm x 70cm	1 chậu	5.386.927	23.052		5.409.978
CXHP2.26140	80cm x 80cm	1 chậu	55.223	34.577		89.800

CXHP2.27100 Đánh bầm bầu cây bóng mát*Thành phần công việc:*

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị phương tiện, vật tư, vật tư phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.
- Đánh dấu một vòng tròn xung quanh gốc cây có bán kính gấp 3-4 lần bán kính gốc cây. Tiến hành đào đất rộng ra ngoài tạo rãnh hình vành khăn để thực hiện thao tác đánh bầm cây
- Dùng cuốc, xẻng, xà beng đào đất, cắt rễ nhỏ, dùng cưa cắt rễ ngang lớn, Tiến hành lần lượt từ trên xuống dưới đến khi đủ độ sâu của bầu. Chừa cắt rễ cọc và một số rễ bên để giữ cây thẳng không bị đổ. Khi đào đất tạo bầu dạng hình chum đều
- Trước tiên cố định bầu bằng lưới sau đó dùng dây đan hình mắt võng để đan cột chặt phần bầu cây với gốc cây chặt chẽ tránh vỡ bầu khi vận chuyển đến nơi trồng.
- Dùng cần cẩu ghim giữ cây để cắt đứt hết rễ bên, rễ cọc của cây, chuyển cây lên thùng xe vận chuyển. Phun thuốc kích thích rễ, bôi keo liền sẹo tại bề mặt vết cắt rễ, cành cây
- Vận chuyển cây về vườn ươm
- Thu dọn vệ sinh mặt bằng thi công và vận chuyển đất, rác cây về vị trí theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo bầu cây không bị nứt, vỡ.
- Rễ, thân cành không bị bong tróc dập nát

Đơn vị tính: đ/1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Đánh bầm bầu cây bóng mát, kích thước bầu đất:					
CXHP2.27110	0,9m x 0,9m x 0,7m	1 cây	174.752	251.262	152.426	578.440
CXHP2.27120	1,2m x 1,2m x 1,0m	1 cây	216.480	394.182	175.218	785.881
CXHP2.27130	1,8m x 1,8m x 1,5m	1 cây	378.960	866.740	270.663	1.516.363

CHƯƠNG III: DUY TRÌ THẨM CỎ

CXHP3.10000 Tưới nước thẩm cỏ, tiểu đảo, dải phân cách

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều ướt đầm thẩm cỏ, tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy từ bơm lên tưới trực tiếp hoặc nước máy lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo đủ lượng nước cho cỏ sinh trưởng.

CXHP3.11000 Tưới nước thẩm cỏ

CXHP3.11100 Tưới nước thẩm cỏ bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Tưới nước thẩm cỏ bằng máy bơm					
CXHP3.11110	Động cơ xăng 3CV	100m ² / lần	10.750	14.535	3.276	28.561
CXHP3.11120	Động cơ điện 1,5kw	100m ² / lần	10.750	19.238	1.208	31.196

CXHP3.11200 Tưới nước thẩm cỏ bằng thủ công

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.11210	Tưới nước thẩm cỏ bằng thủ công	100m ² / lần	10.750	25.651		36.401

CXHP3.11300 Tưới nước thẩm cỏ bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.11310	Tưới nước thẩm cỏ bằng ô tô tưới nước	100m ² / lần	10.750	21.162	27.357	59.269

CXHP3.12000 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách**CXHP3.12100 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước***Đơn vị tính: đ/100m2/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước	m2				
CXHP3.12110	Động cơ xăng 3CV	100m2/ lần	12.900	21.162	4.350	38.412
CXHP3.12120	Động cơ điện 1,5kw	100m2/ lần	12.900	23.085	1.447	37.432

CXHP3.12200 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng thủ công*Đơn vị tính: đ/100m2/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.12210	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng thủ công	100m2/ lần	12.900	32.704		45.604

CXHP3.12300 Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước*Đơn vị tính: đ/100m2/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.12310	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước	100m2/ lần	12.900	19.238	29.844	61.982

CXHP3.21000 Phát cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Phát cỏ thường xuyên, đảm bảo cỏ luôn bằng phẳng và chiều cao cỏ bằng 5cm, tùy theo địa hình và điều kiện chăm sóc từng vị trí mà dùng máy cắt cỏ, phân hoặc dùng liềm.
- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

Yêu cầu kỹ thuật:

Duy trì cỏ luôn bằng phẳng và đảm bảo chiều cao đồng đều

CXHP3.21100 Phát cỏ bằng máy*Đơn vị tính: đ/100m²/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.21110	Phát cỏ bằng máy	100m ² /lần		33.425	747	34.172

CXHP3.21200 Phát cỏ bằng thủ công*Đơn vị tính: đ/100m²/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.21210	Phát cỏ bằng thủ công	100m ² /lần		103.732		103.732

CXHP3.31100 Xén lẻ cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xén thẳng lẻ cỏ theo chu vi, cách bó vĩa 10cm.
- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cỏ được xén thẳng đầu theo yêu cầu

Đơn vị tính: 100md/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.31110	Xén lẻ cỏ Cỏ lá tre	100md/ lần		69.155		69.155
CXHP3.31120	Cỏ nhung	100md/ lần		103.732		103.732

CXHP3.41100 Làm cỏ tạp*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch cỏ khác lẫn trong cỏ, đảm bảo cỏ được duy trì có lẫn không quá 5% cỏ dại.
- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cỏ được duy trì không lẫn cỏ dại.

Đơn vị tính: 100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.41110	Làm cỏ tạp	100m2/ lần		69.155		69.155

CXHP3.51100 Trồng dặm cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Thay thế các chỗ cỏ chết hoặc bị dẫm nát, cỏ trồng dặm cùng giống với cỏ hiện hữu.
- Đảm bảo sau khi trồng dặm thảm cỏ được phủ kín không bị mất khoảng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cỏ được duy trì không lẫn cỏ dại.

Đơn vị tính: đ/1m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.51110	Trồng dặm cỏ Cỏ lá tre	1 m2/ lần	82.054	31.581		113.634
CXHP3.51120	Cỏ nhung	1 m2/ lần	54.823	17.750		72.572

CXHP3.61100 Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Phun thuốc trừ sâu cỏ.
- Mỗi năm phòng trừ 2 đợt, mỗi đợt phun 3 lần, mỗi lần cách nhau 5 đến 7 ngày.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đơn vị tính: đ/100m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.61110	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/ lần	3.075	16.367		19.442

CXHP3.71100 Bón phân cỏ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Rải đều phân trên toàn bộ diện tích cỏ.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

Sau khi bón phân cỏ phát triển xanh tốt. Đảm bảo không gây mất mỹ quan đô thị và ô nhiễm môi trường

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP3.71110	Bón phân cỏ	100m ² /lần	15.000	20.746		35.746

CHƯƠNG IV: DUY TRÌ CÂY TRANG TRÍ

CXHP4.10000 Duy trì bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm đất tại gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình từng khu vực, nước tưới lấy nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt

CXHP4.11000 Tưới nước bồn hoa

CXHP4.11100 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước					
CXHP4.11110	Động cơ xăng 3CV	100m ² /lần	10.750	15.390	3.491	29.631
CXHP4.11120	Động cơ điện 1,5kw	100m ² /lần	10.750	19.238	1.208	31.196

CXHP4.11200 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.11210	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	100m ² /lần	10.750	30.994		41.744

CXHP4.113000 Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.11310	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước	100m ² /lần	10.750	21.375	27.633	59.759

CXHP4.12100 Thay hoa bồn hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ sạch hoa tàn, dùng cuốc xẻng xới tơi đất, san bằng mặt bồn theo đúng quy trình.
- Trồng hoa theo chủng loại được chọn, dùng vòi sen nhỏ tưới nhẹ sau khi trồng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải trong phạm vi 30m.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây sau khi trồng đảm bảo phát triển sinh trưởng bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Thay hoa bồn hoa	m ²				
CXHP4.12110	Cây hoa giống	100m ² / lần	0	691.548		691.548
CXHP4.12120	Cây hoa giỏ	100m ² / lần	0	622.393		622.393

CXHP4.13100 Phun thuốc trừ sâu bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Pha thuốc, phun thuốc theo quy định.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Bồn hoa không còn sâu bệnh, cây phát triển tốt

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.13110	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m ² /lần	3.075	38.496		41.571

CXHP4.14100 Bón phân và xử lý đất bồn hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Trộn phân với thuốc xử lý đất theo đúng tỷ lệ.
- Bón đều phân vào gốc cây.
- Don dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn rác thải.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Bồn hoa không còn sâu bệnh, cây phát triển tốt.

Đơn vị tính: đ/100m²/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.14110	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m ² /lần	45.000	69.385		114.385

CXHP4.15100 Duy trì bồn cảnh lá màu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm (tỷ lệ trồng dặm 30% năm).
- Nhổ bỏ cỏ dại (12 lần/năm); cắt tỉa bấm ngọn (8 lần/năm).
- Bón phân vi sinh (2 lần/năm)
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (phun 3 đợt, mỗi đợt 2 lần).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Bồn cảnh không còn sâu bệnh, cây phát triển tốt

Đơn vị tính: đ/100m²/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.15110	Duy trì bồn cảnh lá màu, có hàng rào	100m ² /năm	14.452.750	4.087.049		18.539.799
CXHP4.15120	Duy trì bồn cảnh lá màu, không có hàng rào	100m ² /năm	21.672.300	5.142.812		26.815.112

CXHP4.16100 Duy trì cây hàng rào, đường viên*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Thực hiện cắt sửa khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.
- Cắt sửa hàng rào vuông thành sắc cạnh, đảm bảo độ cao quy định, làm cỏ vun gốc (6 lần/năm).
- Bón phân vi sinh (2 lần/năm).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây hàng rào đảm bảo liên tục, không đứt đoạn, sắc nét, đảm bảo độ cao, chiều rộng theo thiết kế.
- Cây hàng rào lá xanh, không sâu bệnh, chân hàng rào không có rác, cỏ cây dại
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện

Đơn vị tính: đ/100m2/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.16110	Duy trì cây hàng rào, đường viên, hàng rào cao <1m	100m2/năm	33.500	2.800.769		2.834.269
CXHP4.16120	Duy trì cây hàng rào, đường viên, hàng rào cao ≥ 1m	100m2/năm	33.500	4.448.959		4.482.459

CXHP4.17100 Trồng dặm cây hàng rào, đường viên*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại; cắt tỉa bấm ngọn, bón phân vi sinh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây phát triển tốt

Đơn vị tính: đ/1m2/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.17110	Trồng dặm cây hàng rào, đường viên	1m2/ lần	271.225	8.299		279.524

CXHP4.20000 Duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình**CXHP4.21000 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đẫm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo đủ lượng nước cho cây sinh trưởng tốt

CXHP4.21100 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: đ/100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước					
CXHP4.21110	Máy bơm nước, động cơ xăng 3CV	100 cây/lần	10.750	14.535	3.276	28.561
CXHP4.21120	Máy bơm nước, động cơ điện 1,5kw	100 cây/lần	10.750	19.238	1.208	31.196

CXHP4.21200 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng thủ công

Đơn vị tính: đ/100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.21210	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng thủ công	100 cây/lần	10.750	28.857		39.607

CXHP4.21300 Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước

Đơn vị tính: đ/100cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.21310	Tưới nước cây cảnh ra hoa, cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	100 cây/lần	10.750	21.162	27.357	59.269

CXHP4.22100 Duy trì cây cảnh trở hoa

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt sửa tán gọn gàng, cân đối, không để nặng tán, nghiêng ngả (thực hiện 12 lần/năm).
- Bón phân vi sinh (2 lần/năm).
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (phun 4 đợt, mỗi đợt 2 lần).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây đảm bảo màu sắc tự nhiên, không rụng chết, cây không bị sâu bệnh, đúng chủng loại, gốc cây không có rác

Đơn vị tính: đ/100cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.22110	Duy trì cây cảnh trở hoa	100 cây/năm	290.200	10.684.417		10.974.617

Ghi chú: Đối với công tác duy trì cây cảnh tạo hình có trở hoa, định mức nhân công được nhân với hệ số K = 1,1.

CXHP4.22200 Trồng dặm cây cảnh trở hoa*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, trồng dặm cây cảnh.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây trồng được tháo bao có bầu và bầu đất không bị bể, cây phát triển tốt, không gãy thân, cành lá.

Đơn vị tính: đ/100cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.22210	Trồng dặm cây cảnh trở hoa	100 cây	1.000.000	3.111.966		4.111.966

CXHP4.23100 Duy trì cây cảnh tạo hình*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa gọn gàng, cân đối không để nặng tán, nghiêng ngả (thực hiện 12 lần/năm). Sau khi cắt cây không bị trơ cành.
- Bón phân vi sinh (2 lần/năm).
- Phun thuốc trừ sâu cho cây (phun 4 đợt, mỗi đợt 2 lần).
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt

Đơn vị tính: đ/100cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.23110	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/năm	267.650	8.879.476		9.147.126

CXHP4.30000 Duy trì cây cảnh trồng chậu**CXHP4.31000 Tưới nước cây cảnh trồng chậu**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Dùng vòi phun cầm tay, tưới đều nước ướt đầm gốc cây, kết hợp phun nhẹ rửa sạch lá tùy theo địa hình theo khu vực, nước tưới lấy từ nguồn cung cấp của thành phố tưới tại chỗ hoặc bằng ô tô tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo đủ lượng nước tưới cho cây sinh trưởng tốt

CXHP4.31100 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước

Đơn vị tính: đ/100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.31110	Tưới nước cây cảnh trồng chậu (0,6-0,8m) bằng máy bơm nước Máy bơm nước, động cơ xăng 3CV	100 chậu/ lần	6.450	10.373	2.320	19.143
CXHP4.31120	Máy bơm nước, động cơ điện 1.5kw	100 chậu/ lần	6.450	13.467	873	20.789

CXHP4.31200 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công*Đơn vị tính: đ/100 chậu/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.31310	Tưới nước cây cảnh trồng chậu (0.6-0.8m) bằng ô tô tưới nước	100 chậu/ lần	6.450	13.467	18.238	38.155

Ghi chú: Bảng mức của các công tác CXHP4.31100; CXHP4.31200; CXHP4.31300 quy định đối với chậu có đường kính 0,6-0,8m ; chậu có đường kính 0,4-0,5m điều chỉnh với hệ số K=0,75; chậu có đường kính 0,3 m điều chỉnh với hệ số K=0,35.

CXHP4.31300 Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước*Đơn vị tính: đ/100 chậu/lần*

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.31310	Tưới nước cây cảnh trồng chậu (0.6-0.8m) bằng ô tô tưới nước	100 chậu/ lần	6.450	13.467	18.238	38.155

Ghi chú:

Bảng mức của các công tác CXHP4.31100; CXHP4.31200; CXHP4.31300 quy định đối với chậu có đường kính 0,6-0,8m ; chậu có đường kính 0,4-0,5m điều chỉnh với hệ số K=0,75; chậu có đường kính 0,3 m điều chỉnh với hệ số K=0,35.

CXHP4.32100 Thay đất, phân chậu cảnh*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Xúc bỏ đất cũ, thay đất mới đã được trộn đều với phân và thuốc xử lý đất.
- Cắt bớt rễ già, rễ hỏng của cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây sinh trưởng, phát triển tốt.

Đơn vị tính: đ/100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.32110	Thay đất, phân chậu cảnh	100 chậu/ lần	1.240.000	2.074.644		3.314.644

CXHP4.33100 Duy trì cây cảnh trồng chậu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Cắt tỉa cành hoặc chồi mọc không thích hợp thực hiện 6 lần/năm.
- Bón phân vi sinh 2 lần/năm; phun thuốc trừ sâu 3 đợt, mỗi đợt 2 lần.
- Nhổ cỏ dại, xới tơi đất thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây trong chậu không sâu bệnh, màu sắc tươi tự nhiên đặc trưng theo từng loại, không gãy cành, ngọn, không bị rách, vàng úa.
- Gốc cây không có cỏ dại và rác.

Đơn vị tính: đ/100 chậu/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.34110	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100 chậu	197.650	6.638.861		6.836.511

CXHP4.34100 Trồng dặm cây cảnh trồng chậu*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ bỏ cây cảnh xấu, hỏng, xới đất, bón phân, trồng dặm cây cảnh, tưới nước bảo dưỡng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thực hiện công việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cây sinh trưởng phát triển tốt

Đơn vị tính: đ/100 chậu

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.34110	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	100 chậu	1.025.000	2.074.644		3.099.644

CXHP4.35100 Thay chậu hỏng, vỡ*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Nhổ cây ra khỏi chậu bị hỏng, vỡ, chuyển sang trồng vào chậu mới, tưới nước bảo dưỡng.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động vào nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Chậu mới không bị hỏng, vỡ, cây trồng trong chậu phát triển tốt.

Đơn vị tính: đ/100 chậu/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.35110	Thay chậu hỏng, vỡ	100 chậu/ lần	7.000.000	1.844.128		8.844.128

CXHP4.41100 Duy trì cây leo*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Làm cỏ xới gốc, rũ giàn, tưới nước.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây leo phủ đều trên giàn, độ che phủ 2/3 giàn, cây không có cành khô.
- Lá xanh, tươi, không sâu bệnh, gốc cây không có rác, lá cây lưu cữu.
- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thực hiện.

Đơn vị tính: đ/10 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP4.41110	Duy trì cây leo	10 cây/ lần	1.410	24.896		26.306

CHƯƠNG V: DUY TRÌ CÂY BÓNG MÁT

CXHP5.11000 Duy trì cây bóng mát

CXHP5.11100 Duy trì cây bóng mát mới trồng

Thành phần công việc:

- Tưới nước ướt đầm gốc cây.
- Bón phân hữu cơ gốc cây thực hiện trung bình 1 lần/năm.
- Sửa tán, tạo hình và tẩy chồi: dùng kéo (hoặc cưa) cắt tỉa những cành hoặc chồi mọc không thích hợp với kiểu dáng cần tạo thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng: thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây: Nhổ cỏ dại quanh gốc cây, dọn dẹp rác quanh gốc cây thu gom vận chuyển đến chỗ nơi quy định, thực hiện 4 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây có thân thẳng, cân tán, gọn tán, lá cây có màu xanh đặc trưng tùy từng loài; Cây không có cành vươn, cành trời mọc ở thân, cành lệch, tán không vót cao, cây không bị sâu bệnh

Đơn vị tính: đ/1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.11110	Duy trì cây bóng mát mới trồng	1 cây/năm	332.400	240.659	99.480	672.539

CXHP5.11200 Duy trì cây bóng mát loại 1*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông, an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 4 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: đ/1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.11210	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/ năm	5.781	93.359		99.140

CXHP5.11300 Duy trì cây bóng mát loại 2*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Tẩy chồi thực hiện trung bình 3 lần/năm.
- Chống sửa cây nghiêng thực hiện 1 lần/năm.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa cắt dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối.

Đơn vị tính: đ/1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.11310	Duy trì cây bóng mát loại 2	1 cây/năm	1.256	587.816	84.529	673.601

CXHP5.11400 Duy trì cây bóng mát loại 3*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch thông báo việc cắt sửa, khảo sát hiện trường, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc, giải phóng mặt bằng, bảo vệ cảnh giới đảm bảo giao thông và đặc biệt phải an toàn lao động.
- Lấy nhánh khô, mé nhánh tạo tán cân đối, sơn vết cắt thực hiện trung bình 2 lần/năm.
- Gỡ phụ sinh, ký sinh thông thường.
- Vệ sinh quanh gốc cây thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo an toàn khi thi công. Cây được chăm sóc luôn phát triển tốt, dáng cây đứng thẳng, tán cây cân đối

Đơn vị tính: đ/1cây/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.11410	Duy trì cây bóng mát loại 3	1 cây/năm	2.087	1.200.988	138.105	1.341.180

CXHP5.21100 Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động đến nơi làm việc.
- Tưới nước bằng ô tô tưới nước, lượng nước tưới 15 l/m² số lần tưới 140 lần/năm.
- Phát và xén thảm cỏ và dọn dẹp vệ sinh thực hiện trung bình 8 lần/năm.
- Làm cỏ tạp thực hiện trung bình 12 lần/năm.
- Dọn vệ sinh rác trên thảm cỏ.
- Trồng dặm cỏ 30%.
- Bón phân hữu cơ thảm cỏ thực hiện trung bình 2lần/năm.
- Phòng trừ sâu cỏ thực hiện trung bình 6 lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công, chùi rửa cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cỏ trong bồn luôn phát triển tốt

Đơn vị tính: đ/1 bồn/năm

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.21110	Duy trì thảm cỏ gốc cây bóng mát	1 bồn/năm	69.240	841.383	296.870	1.207.494

CXHP5.30000 Giải toả, chặt hạ cành cây, cây gãy đổ sâu bệnh

CXHP5.31100 Giải toả cành cây gãy

Thành phần công việc:

- Cành giới giao thông.
- Giải toả cành cây gãy đổ, nhanh chóng giải phóng mặt bằng.
- Cắt bằng vết cây gãy, sơn vết cắt.
- Dọn dẹp vệ sinh, thu gom cành lá, vận chuyển về vị trí theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây đảm bảo sinh trưởng và phát triển, trên cây không còn cành gãy
Đảm bảo an toàn cho người và tài sản

Đơn vị tính: đ/1 cành/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.31110	Giải toả cành cây gãy Giải toả cành cây gãy, cành cây $d \leq 20$ cm	1 cành/ lần	62.239	93.665		155.904
CXHP5.31120	Giải toả cành cây gãy, cành cây $d \leq 50$ cm	1 cành/ lần	2.875	248.957	154.676	406.509
CXHP5.31130	Giải toả cành cây gãy, cành cây $d > 50$ cm	1 cành/ lần	3.450	414.929	181.212	599.591

CXHP5.32100 Giải toả cây gãy, đổ*Thành phần công việc:*

- Nhận kế hoạch, khảo sát hiện trường, thông báo cắt điện.
- Chuẩn bị dụng cụ lao động giao thông, cảnh giới giao thông.
- Giải toả cây đổ ngã, xử lý cành nhánh, thân cây, đào gốc, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 5km, san phẳng hố đào gốc cây.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cho người và tài sản

Đơn vị tính: đ/1 cành/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Giải toả cây gãy, đổ					
CXHP5.32110	Giải toả cây gãy, đổ; cây loại 1	1 cây/ lần		684.633	299.356	983.989
CXHP5.32120	Giải toả cây gãy, đổ; cây loại 2	1 cây/ lần		1.452.251	400.324	1.852.575
CXHP5.32130	Giải toả cây gãy, đổ; cây loại 3	1 cây/ lần		3.111.966	624.020	3.735.986

CXHP5.33100 Đốn hạ cây sâu bệnh*Thành phần công việc:*

- Khảo sát, lập kế hoạch, liên hệ cắt điện, chuẩn bị dụng cụ, giải phóng mặt bằng, cảnh giới giao thông.
- Đốn hạ cây, chặt, cưa thân cây thành từng khúc để tại chỗ.
- Đào gốc san lấp hoàn trả mặt bằng.
- Thu gọn cành lá, vận chuyển gốc cây về nơi quy định.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo cho người và tài sản

Đơn vị tính: đ/1 cây

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.33110	Đốn hạ cây sâu bệnh					
	Đốn hạ cây sâu bệnh; cây loại 1	1 cây		673.107	272.084	945.191
CXHP5.33120	Đốn hạ cây sâu bệnh; cây loại 2	1 cây		2.983.607	1.403.829	4.387.436
CXHP5.33130	Đốn hạ cây sâu bệnh; cây loại 3	1 cây		4.460.485	3.204.458	7.664.943

Ghi chú:

- Cự ly vận chuyển cành lá, cây, gốc cây cho công tác CXHP5.31100; CXHP5.32100 và CXHP5.33100 trung bình 30km về nơi quy định.

- Bảng mức của các công tác CXHP5.13100; CXHP5.14100; CXHP5.31100; CXHP5.33100 áp dụng với máy, thiết bị là xe thang với trường hợp sử dụng xe nâng thay cho xe thang thì hao phí định mức xe nâng của các công tác nêu trên được nhân với hệ số điều chỉnh $k=0,8$.

CXHP5.41000 Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây**CXHP5.41100 Cắt thấp tán, không chế chiều bằng cơ giới***Thành phần công việc:*

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.

- Chuẩn bị phương tiện, vật tư, vật tư phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.

- Cắt thấp tán cây, không chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, không chế chiều cao.

- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.

- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị lệch tán, cây gọn tán, nhẹ tán, đảm bảo mỹ thuật

Hạn chế cây đổ, cành gãy đảm bảo cho người và tài sản

Đơn vị tính: đ/1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.41110	Cắt thấp tán, không chế chiều cao bằng cơ giới					
CXHP5.41110	Cây loại 1	1 cây/ lần	1.242	209.770	366.084	577.096
CXHP5.41120	Cây loại 2	1 cây/ lần	1.242	313.502	504.750	819.494
CXHP5.41130	Cây loại 3 (đường kính thân 50 ÷ 80)	1 cây/ lần	4.140	1.048.848	1.425.771	2.478.759
CXHP5.41140	Cây loại 3 (đường kính thân 80 ÷ 120)	1 cây/ lần	5.980	1.182.547	1.573.879	2.762.406

CXHP5.41200 Cắt thấp tán, khống chế chiều cao bằng thủ công*Thành phần công việc:*

- Khảo sát hiện trường, thông báo với các đơn vị có liên quan, liên hệ cắt điện.
- Chuẩn bị phương tiện, vật tư, vật tư phục vụ công tác thi công, bảo vệ cảnh giới an toàn.
- Cắt thấp tán cây, khống chế chiều cao, tùy từng loại cây, từng loại cành cụ thể mà cắt sửa theo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, khống chế chiều cao.
- Tháo dỡ phụ sinh đeo bám ảnh hưởng đến sức sống cây trồng và mỹ quan đô thị.
- Thu dọn cành, lá cây, thu gom chuyển về vị trí theo quy định

Yêu cầu kỹ thuật:

- Cây đảm bảo sinh trưởng, phát triển tốt, cây không bị lệch tán, cây gọn tán, nhẹ tán, đảm bảo mỹ thuật
- Hạn chế cây đổ, cành gãy đảm bảo cho người và tài sản

Đơn vị tính: đ/1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao bằng thủ công					
CXHP5.41210	Cây loại 1	1 cây/ lần	1.242	295.061	86.637	382.940
CXHP5.41220	Cây loại 2	1 cây/ lần	1.242	712.294	127.881	841.417
CXHP5.41230	Cây loại 3	1 cây/ lần	4.140	3.349.398	426.434	3.779.972

Ghi chú:

- Cụ ly vận chuyển cành, lá cây công tác CXHP5.41100; CXHP5.41200 trung bình 30km về nơi quy định.
- Bảng mức của các công tác CXHP5.41100; áp dụng với máy, thiết bị là xe thang với trường hợp sử dụng xe nâng thay cho xe thang thì hao phí định mức xe nâng của các công tác nêu trên được nhân với hệ số điều chỉnh $k=0,9$.
- Bảng mức của các công tác CXHP5.41100; CXHP5.41200 được áp dụng cho các cây: Sấu, Nhội, Bông Gòn, Bằng Lăng, Chẹo, Sưa, Long Nảo, Sao Đen, Sanh, Si, Đa, Gạo, Tẻch, Mít, Xoài, Sung, Dầu Lách,... với Trường hợp áp dụng với các loại cây khác thì hao phí định mức của các công tác trên được điều chỉnh với hệ số K như sau:
 - + Cây xà cừ: $K=1,43$.
 - + Sếu, Phượng, Muồng, Phi Lao, Sưa, Bạch Đàn, Đề, Lan, Nhãn, Keo, Hồng Xiêm, Xoan, Khế, Bơ, Vối, Trứng Cá, Liễu....: $K=0,7$.
 - + Dâu Da, Dướng, Vông Gai....: $K=0,6$

CXHP5.51100 Quét vôi gốc cây*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị, vận chuyển vôi và nước tôi vôi.
- Lọc vôi, quét vôi gốc cao 1m tính từ mặt đất gốc cây, thực hiện bình quân 3lần/năm.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc.
- Chùi rửa, cất dụng cụ lao động tại nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

Đảm bảo vôi bám kín xung quanh bề mặt vị trí quét

Đơn vị tính: đ/1 cây/lần

Mã hiệu	Tên công tác	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
CXHP5.51110	Cây loại 1	1 cây	540	6.413		6.953
CXHP5.51120	Cây loại 2	1 cây	1.930	10.688		12.618
CXHP5.51130	Cây loại 3	1 cây	3.860	2.787		6.647

MỤC LỤC

Mã Hiệu	Danh mục đơn giá	Trang
	Phần I. Thuyết minh và hướng dẫn áp dụng	4
	Phần II. Chi tiết đơn giá	9
	Chương I. Sản xuất cây các loại	9
	I. Sản xuất cây xanh	9
CXHP1.11100	Sản xuất cây xanh bằng phương pháp gieo trong bể	9
CXHP1.20000	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi	10
CXHP1.21100	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 1	10
CXHP1.21200	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 2	11
CXHP1.21300	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 3	11
CXHP1.21400	Sản xuất cây xanh sau khi ra ngôi nhóm cây loại 4	12
	II. Sản xuất cây hoa	13
CXHP1.31100	Sản xuất hoa giai đoạn cây con	13
CXHP1.41100	Sản xuất hoa ở liếp trồng (từ gieo hạt giống)	14
CXHP1.51100	Sản xuất hoa trong bịch (1 cây/1 bịch)	15
CXHP1.61100	Sản xuất hoa trong chậu (3 cây/1 chậu)	16
CXHP1.71100	Sản xuất hoa trong giỏ (3 cây/1 giỏ)	17
	III. Sản xuất cây cảnh	18
CXHP1.81100	Sản xuất cây cảnh thông thường (3 cây/1 giỏ)	18
CXHP1.91100	Sản xuất cây hàng rào bằng phương pháp đâm cành	19
	Chương II. Trồng mới các loại cây	20
	I. Trồng cây xanh	20
CXHP2.11100	Trồng cây xanh	20
CXHP2.11200	Trồng cây bóng mát	21
CXHP2.12100	Vận chuyển cây bằng cơ giới	22
CXHP2.13100	Trồng cỏ lá gừng (bồn cỏ gốc cây)	22
	II. Trồng mới cây hoa, cây cảnh, cây hàng rào và thảm cỏ	23
CXHP2.21100	Trồng cây cảnh, cây tạo hình, cây trở hoa	23
CXHP2.22100	Trồng hoa công viên (bao gồm hoa ngắn ngày và hoa dài ngày)	24
CXHP2.23100	Trồng cây hàng rào	24
CXHP2.24100	Trồng cây lá màu, bồn cảnh	25
CXHP2.25100	Trồng cỏ	25
CXHP2.26100	Trồng cây vào chậu	26

CXHP2.27100	Đánh bấm bầu cây bóng mát	27
	Chương III. Duy trì thảm cỏ	28
CXHP3.10000	Tưới nước thảm cỏ, tiểu đảo, dải phân cách	28
CXHP3.11000	Tưới nước thảm cỏ	28
CXHP3.11100	Tưới nước thảm cỏ bằng máy bơm nước	28
CXHP3.11200	Tưới nước thảm cỏ bằng thủ công	28
CXHP3.11300	Tưới nước thảm cỏ bằng ô tô tưới nước	28
CXHP3.12000	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách	29
CXHP3.12100	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng máy bơm nước	29
CXHP3.12200	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng thủ công	29
CXHP3.12300	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước	29
CXHP3.21000	Phát cỏ	30
CXHP3.21100	Phát cỏ bằng máy	30
CXHP3.21200	Phát cỏ bằng thủ công	30
CXHP3.31100	Xén lề cỏ	31
CXHP3.41100	Làm cỏ tạp	31
CXHP3.51100	Trồng dặm cỏ	32
CXHP3.61100	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	32
CXHP3.71100	Bón phân cỏ	33
	Chương IV. Duy trì cây trang trí	34
CXHP4.10000	Duy trì bồn hoa	34
CXHP4.11000	Tưới nước bồn hoa	34
CXHP4.11100	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm nước	34
CXHP4.11200	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng thủ công	34
CXHP4.113000	Tưới nước bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng ô tô tưới nước	35
CXHP4.12100	Thay hoa bồn hoa	35
CXHP4.13100	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	36
CXHP4.14100	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	36
CXHP4.15100	Duy trì bồn cảnh lá mẫu	37
CXHP4.16100	Duy trì cây hàng rào, đường viền	38
CXHP4.17100	Trồng dặm cây hàng rào, đường viền	39
CXHP4.20000	Duy trì cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình	40
CXHP4.21000	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình	40

CXHP4.21100	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng máy bơm nước	40
CXHP4.21200	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng thủ công	40
CXHP4.21300	Tưới nước cây cảnh ra hoa và cây cảnh tạo hình bằng ô tô tưới nước	41
CXHP4.22100	Duy trì cây cảnh trồng hoa	41
CXHP4.22200	Trồng dặm cây cảnh trồng hoa	42
CXHP4.23100	Duy trì cây cảnh tạo hình	42
CXHP4.30000	Duy trì cây cảnh trồng chậu	43
CXHP4.31000	Tưới nước cây cảnh trồng chậu	43
CXHP4.31100	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng máy bơm nước	43
CXHP4.31200	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng thủ công	44
CXHP4.31300	Tưới nước cây cảnh trồng chậu bằng ô tô tưới nước	44
CXHP4.32100	Thay đất, phân chậu cảnh	45
CXHP4.33100	Duy trì cây cảnh trồng chậu	45
CXHP4.34100	Trồng dặm cây cảnh trồng chậu	46
CXHP4.35100	Thay chậu hỏng, vỡ	46
CXHP4.41100	Duy trì cây leo	47
	Chương V. Duy trì cây bóng mát	48
CXHP5.10000	Duy trì cây bóng mát	48
CXHP5.11100	Duy trì cây bóng mát mới trồng	48
CXHP5.11200	Duy trì cây bóng mát loại 1	49
CXHP5.11300	Duy trì cây bóng mát loại 2	50
CXHP5.11400	Duy trì cây bóng mát loại 3	51
CXHP5.21100	Duy trì thâm cỏ gốc cây bóng mát	52
CXHP5.30000	Giải toả, chặt hạ cành cây, cây gãy đổ sâu bệnh	53
CXHP5.31100	Giải toả cành cây gãy	54
CXHP5.31200	Giải toả cây gãy, đổ	55
CXHP5.31300	Đốn hạ cây sâu bệnh	55
CXHP5.40000	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây	56
CXHP5.41100	Cắt thấp tán, khống chế chiều bằng cơ giới	56
CXHP5.41200	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao bằng thủ công	57
CXHP5.51100	Quét vôi gốc cây	58